

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 13054 /CTBDU-TTHT

Bình Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2024

V/v chính sách thuế đối với hóa đơn
lập sai thời điểm

Kính gửi: CÔNG TY TNHH SPG VINA

Địa chỉ: Lô L-2A-CN, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thành phố
Bến Cát, Bình Dương.
MST: 3700711445

Cục Thuế nhận được văn bản số 02/CVSPG-2024 ngày 08/06/2024 của
CÔNG TY TNHH SPG VINA (gọi tắt là “Công ty”) vướng mắc về chính sách
thuế đối với hóa đơn đưa mua hàng lập sai thời điểm. Qua nội dung văn bản nêu
trên, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (có hiệu lực
thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020):

“Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính
thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.”;

- Căn cứ Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn
chứng từ:

“Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để
giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để
khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng,
trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa
luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình
thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung
theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì
phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12
Nghị định này.

...
Điều 9. Thời điểm lập hóa đơn

1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản
nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là
thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người
mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành
việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp
dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường
hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các



dịch vụ; kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”

- Căn cứ Điều 24 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ;

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT:

+ Tại Điều 8 quy định thời điểm xác định thuế GTGT:

“1. Đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa được tiền.

2. Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền....”

+ Tại Khoản 8 Điều 14 quy định về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

“8. Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”

+ Tại Điều 15 quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Căn cứ Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn khấu trừ thuế GTGT đầu vào;

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6 Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá từ từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...”

Căn cứ các quy định nêu trên, thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ quy định tại Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Nếu

doanh nghiệp xuất hóa đơn không đúng thời điểm thì sẽ bị xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định Điều 24 Nghị định 125/2020/NĐ-CP nêu trên.

Thời điểm xác định thuế GTGT đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Đối với bên mua hàng hóa dịch vụ, nếu việc mua hàng hóa, dịch vụ đúng thực tế, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

Nếu Công ty mua hàng phát sinh các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Trường hợp qua xác minh nếu cơ quan thuế phát hiện Công ty không đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên thì Công ty không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với số hóa đơn này.

Công ty căn cứ hướng dẫn nêu trên, đối chiếu với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế tại đơn vị để thực hiện đúng quy định.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bình Dương trả lời cho Công ty biết để thực hiện. *trước*

Nơi nhận:

- Như trên,
 - Web;
 - Lưu: VT, Phòng TTHT (Khang).
- (240509/ZV09/0001/7401/016013804)

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Đông

